

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2022/HS-PT

Ngày: 11/07/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Nam Phương**

Các thẩm phán: Bà **Đỗ Thị Nhung**

Bà Phạm Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Minh – Thư ký Tòa án tỉnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 188/2022/TLPT-HS ngày 13 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với bản án hình sự sơ thẩm số 120/2022/HS-ST ngày 29/03/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; Theo quyết định xét xử phúc thẩm số 239/2022/QĐXXPT-HS ngày 28 tháng 6 năm 2022.

Bị cáo kháng cáo: **Nguyễn Ngọc S.** Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh năm 1986, tại Ninh Bình; Nơi cư trú: phường A, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: không; Chức vụ (đoàn thể, đảng phái): Không. Con ông Nguyễn Đình H3, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1955. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3, có vợ là Bùi Thị Thúy H2, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và có một người con sinh năm 2008;

Tiền án: Ngày 20 tháng 4 năm 2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 (tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Bản án số 26/2011/HS-ST. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2008/HS-ST ngày 17/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 Bản án là 09 (chín) năm tù. Chấp hành xong ngày 11/10/2018;

Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02 tháng 11 năm 2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

(*Bị cáo S có mặt, trong vụ án còn có bị hại chị Trần Thị Thu T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Thu Th nhưng không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc S là đối tượng có tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền tiêu xài, trong khoảng thời gian từ ngày 05 tháng 6 năm 2021 đến ngày 08 tháng 6 năm 2021, S đã thực hiện 02 vụ “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của chị Trần Thị Thu T (sinh năm 1986, ngụ tại 63/2, khu phố 2, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa), cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 12 giờ 15 phút, ngày 05 tháng 6 năm 2021, S gọi điện thoại cho chị Trần Thị Thu T (là bạn học cũ của S) hỏi mượn xe mô tô của chị T để đi công việc thì được chị T đồng ý và hẹn gặp tại cổng Siêu thị BigC thuộc phường L, thành phố Biên Hòa để giao xe. Khi gặp nhau, S được chị T giao cho mượn 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vairo, biển số 60F3-120.86 và giao hẹn đến khoảng 22 giờ 00 cùng ngày sẽ trả lại xe cho chị T. Sau đó, S điều khiển xe của chị T đi đến phường T, thành phố Biên Hòa để bàn việc mua bán tôm cho bố mẹ của S nhưng không nhớ địa chỉ nên S quay về. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, trên đường điều khiển xe quay về, do cần tiền trả nợ và tiêu xài, S nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị T nên đã mang chiếc xe của chị T đến tiệm cầm đồ “A” tại địa chỉ phường L, thành phố Biên Hòa do chị Nguyễn Thị Thu Th (sinh năm 1981) làm chủ, cầm chiếc xe trên cho anh H (là người được chị Th uỷ quyền để quản lý, điều hành kinh doanh) được số tiền 20.500.000 đồng (*Hai mươi triệu, năm trăm nghìn đồng*) tiêu xài hết. Sau đó, đến khoảng 22 giờ cùng ngày, chị T gọi điện thoại nói S quay về đón Thủy và trả xe thì S nói dối chị T là S đi công việc không về kịp.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 09 giờ 00, ngày 08 tháng 6 năm 2021, S tiếp tục gọi điện cho chị T hỏi mượn chiếc xe mô tô khác của chị T để đi mượn tiền chuộc chiếc xe đã cầm về trả cho chị T nhưng khi mượn xe S nói dối chị T là S đi bị ngã trầy xước đang sửa, chiều sửa xong sẽ mang về trả cho chị T. Tin tưởng nên chị T đồng ý cho S mượn xe và nói S đến Công ty F tại Khu công nghiệp Biên Hòa 2, thành phố Biên Hòa để lấy xe. Tại đây, chị T giao cho S mượn chiếc xe mô tô hiệu Honda Vairo, biển số 60F3-246.18 và hẹn S chiều cùng ngày quay lại trả xe. S điều khiển chiếc xe mô tô mới mượn được của chị T đi đến khu vực thuộc phường H1, thành phố Biên Hòa để hỏi mượn tiền bạn bè ngoài xã hội nhưng không gặp nên S quay về. Trên đường đi về, do nợ nần nhiều và cần tiền tiêu xài, S tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô đang đi của chị T nên đã điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vairo, biển số 60F3-246.18 đến tiệm cầm đồ “A” tiếp tục cầm cho anh H được số tiền 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*). Sau đó, S mang tiền đi trả nợ cho bạn tên Toàn (không rõ họ và địa chỉ) và tiêu xài hết. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, chị T gọi điện nói S trả xe để đi về thì S tiếp tục nói dối chị T là S không về kịp và hẹn chị T khoảng 17 giờ cùng ngày đến quán Cà phê Z thuộc phường A, thành phố Biên Hòa để trả xe. Đến 17 giờ cùng ngày, S đi bộ đến quán Cà phê Z gặp chị T và nói cho chị T biết việc S đã cầm 02 chiếc xe trên nên chị T đã trình

báo Công an phường A, thành phố Biên Hòa lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa khởi tố, điều tra xử lý.

* Vật chứng gồm:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vairo, biển số 60F3-120.86, là tài sản bị chiếm đoạt. Qua xác minh chiếc xe này do anh Trần Đức T1 (sinh năm 1996, ngụ phường L, thành phố B, em ruột chị T) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 08 tháng 6 năm 2021, chị T mượn xe anh T1 đi làm và bị S chiếm đoạt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa thu hồi chiếc xe trả lại cho anh Trần Đức T1;

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vairo, biển số 60F3-246.18 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa thu hồi trả lại cho bị hại là chị Trần Thị Thu T.

Kết luận định giá tài sản số 296 ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vairo, biển số 60F3-120.86 và 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vairo, biển số 60F3-246.18, tổng trị giá là 94.320.000 đồng (Chín mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng)”.
* Về dân sự:

- Chị Trần Thị Thu T và anh Trần Đức T1, đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Văn H đại diện uỷ quyền của chị Nguyễn Thị Thu Th yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền cầm 02 chiếc xe trên là 38.500.000 đồng (*Ba mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng*). Hiện bị cáo chưa bồi thường.

Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2022/HS-ST ngày 29/03/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa:

Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt: **Nguyễn Ngọc S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 11 năm 2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc S có nghĩa vụ phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu Th - Chủ Hộ kinh doanh A số tiền 38.500.000đ (*Ba mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng*).

- Ngày 26/04/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai kháng nghị 120/2022/HS-ST ngày 29/03/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đề nghị TAND tỉnh Đồng Nai xét xử lại vụ án theo hướng: Sửa phần nhận định (tại trang số 5 của Bản án) đã xác định bị cáo S phạm tội thuộc trường hợp “*tái phạm nguy hiểm*”. Sửa phần Quyết định của bản án: bỏ áp dụng điểm g, khoản 2, điều 175 Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” quy định tại điểm h, khoản 1, điều 52 BLHS để tuyên án đối với bị cáo; bổ sung nội dung tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh giữ nguyên quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng nghị theo hướng: Sửa phần nhận định (tại trang số 5 của Bản án) đã xác định bị cáo S phạm tội thuộc trường hợp “*tái phạm nguy hiểm*”. Sửa phần Quyết định của bản án: bỏ áp dụng điểm g, khoản 2, điều 175 Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1, điều 52 BLHS để tuyên án đối với bị cáo; bổ sung nội dung tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng nghị:

Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2008/HS-ST ngày 17/04/2008, Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 01 năm tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm.

Năm 2009, bị cáo thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” trong thời gian thử thách của bản án năm 2008 nên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2011/HSST ngày 20/04/2011 của TAND tỉnh Đồng Nai tổng hợp hình phạt của 02 tội là 09 (chín) năm tù (bản án 26/2011/HSST đã xác định bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng là “Tái phạm”).

Đến 05/6/2021, bị cáo phạm tội mới “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tính đến thời điểm này bản án năm 2009 chưa được xóa án tích, đã tái phạm mà phạm tội mới là tái phạm nguy hiểm. Bản án số 120/2022/HS-ST ngày 29/03/2022 của TAND thành phố Biên Hòa xác định lần này là “*Tái phạm nguy hiểm*” là có căn cứ, đúng pháp luật (theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 53 BLHS). Do đó, kháng nghị của VKSND tỉnh Đồng Nai cho rằng bị cáo phạm tội lần này là “*tái phạm*” là không có cơ sở.

Phần quyết định của Bản án sơ thẩm không tuyên bị cáo phạm tội gì nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh kháng nghị là có cơ sở chấp nhận.

Riêng về tội danh, mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội và sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa một phần bản

án hình sự sơ thẩm số 120/2022/HS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt: **Nguyễn Ngọc S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 11 năm 2021.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai,
- VKSND Biên Hòa;
- TAND Biên Hòa;
- Công an Biên Hòa;
- Phòng PV06, Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên và đóng dấu)
Trần Nam Phương**